

QO, ngày 11 tháng 4 năm 2023

Số: 19/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả Tận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh T1 theo văn bản ủy quyền số 711/2022/UQ-GĐCNHN ngày 07/11/2022.

- Bị đơn: Anh Bành Thế V, sinh năm 1992 và vợ là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Cùng ĐKHKTT: Xóm Cốc, thôn Phú Mỹ, xã N M, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng A và anh Bành Thế V - chị Nguyễn Thị T xác nhận tạm tính đến ngày 29/3/2023 anh V- chị T còn nợ Ngân hàng số tiền đã vay theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 759.0174/2020/HĐTD-CN/PGBankHN ngày 14/02/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 759.0174.20/ĐNGN-KUN/CN/PGBHN ngày 17/02/2020, tổng số tiền còn nợ là 1.914.031.126đ (Một tỷ chín trăm mười bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) trong đó gồm:

+ Nợ gốc: 1.664.731.903đ (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, chín trăm linh ba đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 231.613.989đ (Hai trăm ba mươi một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 17.685.234đ (Mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tư đồng).

- Theo Hợp đồng tín dụng số 759.0175/2020/HĐTD-CN/PGBankHN ngày 14/02/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 759.0175.20/ĐNGN-KUN/CN/PGBHN ngày 17/02/2020, tổng số tiền còn nợ là 439.004.390đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm linh bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng) trong đó gồm:

+ Nợ gốc: 391.658.000đ (Ba trăm chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 44.426.046đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 2.920.344đ (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Tổng số tiền còn nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng và 02 Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nêu trên là: 2.353.035.516 đồng (Hai tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm mười sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc 2.056.389.903đ (Hai tỷ không trăm năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn chín trăm linh ba đồng); Nợ lãi trong hạn 276.040.035đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn không trăm ba mươi lăm

đồng); Nợ lãi quá hạn: 20.605.578đ (Hai mươi triệu, sáu trăm linh năm nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng).

2.2. Anh Bành Thế V và chị Nguyễn Thị T cam kết có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng A số tiền 2.353.035.516 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm mười sáu đồng) nói trên.

2.3. Kể từ ngày 30/3/2023, anh Bành Thế V và chị Nguyễn Thị T tiếp tục phải trả Ngân hàng A tiền lãi theo đúng thỏa Tận trong Hợp đồng tín dụng số 759.0174/2020/HĐTD-CN/PGBankHN ngày 14/02/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 759.0174.20/ĐNGN-KUN/CN/PGBHN ngày 17/02/2020; Hợp đồng tín dụng số 759.0175/2020/HĐTD-CN/PGBankHN ngày 14/02/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 759.0175.20/ĐNGN-KUN/CN/PGBHN ngày 17/02/2020, trên số tiền chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ (nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật).

Trường hợp các bên có thỏa Tận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà anh V - chị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A .

2.4. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Bành Thế V và chị Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để T hồi. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 655, tờ bản đồ số: 9 ở địa chỉ: Thị trấn QO, huyện QO, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện QO cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK671409, vào sổ cấp GCN số: CH 03156 ngày 06/12/2017 cho ông Lê Tiến Tuân (Ngày 05/9/2018 ông Tuân đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho anh V - chị T). Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 742.20; quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2020 tại Phòng công chứng số 1, thành phố Hà Nội (Địa chỉ: Số 310, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện QO ngày 17/02/2020.

Số tiền T được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của của anh V- chị T theo các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nói trên. Nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài

sản, nếu thiếu thì anh V - chị T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.5. Về án phí: Anh Bành Thế V- chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 39.530.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng A số tiền 38.215.000đ (Ba mươi tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí số AA/2020/0000515 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

2.1. Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam và anh Lê Văn Minh - chị Tạ Thị Nga xác nhận tạm tính đến ngày 12/01/2023 anh Minh - chị Nga còn nợ Ngân hàng số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41389/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 29/01/2011, Bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/5/2012 và Khế ước nhận nợ ngày 29/01/2011 số tiền là: 2.617.499.610 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng), trong đó:

- Nợ gốc 911.104.000 đồng (Chín trăm mười một triệu một trăm linh bốn nghìn đồng).

- Nợ lãi trong hạn 890.835.029 đồng (Tám trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi chín đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 815.560.581 đồng (Tám trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm tám mươi một đồng).

2.2. Anh Lê Văn Minh và chị Tạ Thị Nga cam kết có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam số tiền 2.617.499.610 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng)

2.3. Kể từ ngày 13/01/2023, anh Lê Văn Minh và chị Tạ Thị Nga tiếp tục phải trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam tiền lãi theo đúng thỏa Tận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41389/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 29/01/2011, Bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/5/2012, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 29/01/2011 (nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật) trên số dư nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp các bên có thỏa Tận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam thì lãi suất mà anh Minh - chị Nga phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam.

2.4. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Lê Văn Minh và chị Tạ Thị Nga không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để T hòi. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 03, diện tích 167 m² tại địa chỉ: Thôn Văn Quang, xã Nghĩa Hương, huyện QO, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện QO cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 287216, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00223 QSDĐ/N-H ngày 01/11/2002 cho hộ ông Lê Văn Minh (ngày 19/01/2011 đã đính chính hộ ông Lê Văn Minh thành ông Lê Văn Minh). Tài sản được ông Lê Văn Minh và bà Tạ Thị Nga thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương V Nam theo Hợp đồng thế chấp tài sản do Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội chứng thực số công chứng 627.2011 HĐTC-TCB ngày 28/01/2011, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện QO ngày 28/01/2011. Theo trích lục bản đồ địa chính của UBND xã Nghĩa Hương, thửa đất hiện có số hiệu 257, tờ bản đồ số 17. Hiện trạng thửa đất theo Hồ sơ kỹ Tật do Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 QO thực hiện đo ngày 17/11/2022 (kèm theo quyết định này).

- Số tiền T được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của của anh Minh – chị Nga theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên; Nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài sản, nếu thiếu thì anh Minh - chị Nga vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.5. Về án phí: Anh Lê Văn Minh và chị Tạ Thị Nga tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 42.174.000 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm bảy

mười bốn nghìn đồng). Anh Minh – chị Nga có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hương, huyện QO nên miễn ½ án phí cho anh Minh – chị Nga theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Minh – chị Nga còn phải nộp 21.087.000đ (Hai mươi một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Kỹ thương V Nam số tiền 51.917.000đ (Năm mươi một triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí số AA/2020/0000406 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy